TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B- LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2018/DS-ST.
Ngày: 28 - 8 - 2018.
V/v tranh chấp: *Hợp đồng dân sự vay tài sản* giữa bà Tr và vợ chồng ông Th, bà N.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Đức Minh**

2. Bà **Lê Thị Sáu**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày **28** tháng **8** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 31/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Đỗ Đoan Tr**, sinh năm: 1976
Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.
Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Hồ Thị P**, sinh năm: 1975
Địa chỉ cư trú: Số 161A Nguyễn Văn Cừ, phường S, Thành phố Q, tỉnh Lâm Đồng. (*Văn bản ủy quyền lập ngày 15/3/2018*) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- ***Bị đơn:*** Vợ chồng ông **Hoàng Công Th**, sinh năm: 1963
và bà **Quách Thị N**, sinh năm: 1964
Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).
- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Chị **Hoàng Trúc M**, sinh năm: 1993.
Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Đỗ Đoan Tr và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị P trình bày:

Vào ngày 01/01/2018 bà Tr có cho vợ chồng ông Th, bà N vay số tiền 1.015.000.000đ, thời hạn vay đến 01/3/2018, lãi suất thỏa thuận miệng là 2,5%. Đến

hạn vợ chồng ông Th, bà N không trả được nợ.

Ngoài ra con gái ông Th, bà N là chị Hoàng Trúc M có nhận dùm cho cha mẹ số tiền 250.000.000đ.

Trước đây bà Tr khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Th, bà N số tiền 1.265.000.000đ, nhưng nay bà Tr rút yêu cầu khởi kiện số tiền 250.000.000đ do chị Hoàng Trúc M nhận thay và chỉ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Th, bà N phải trả số nợ gốc là 1.015.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay đến nay đồng thời xin rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, đề nghị Tòa án hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 20/3/2018.

Bị đơn vợ chồng ông Th, bà N và chị M đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến làm việc. Vì vậy không có lời khai của vợ chồng ông Th, bà N và chị M tại Tòa án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị P có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tr đối với vợ chồng ông Th, bà N; Buộc vợ chồng ông Th, bà N phải trả cho bà Tr tổng số tiền là 1.064.704.550đ trong đó tiền gốc là 1.015.000.000đ, tiền lãi là 49.704.550đ; đề nghị hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng đối với thửa đất số 794, tờ bản đồ số 27 tại xã L, huyện B với diện tích 686m^2 của bà Quách Thị N. Đồng thời buộc đương sự phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- ***Về tố tụng*:** Bà Nguyễn Đỗ Đoan Tr có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" với vợ chồng ông Hoàng Công Th, bà Quách Thị N. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị P vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là vợ chồng ông Hoàng Công Th, bà Quách Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Trúc M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ (niêm yết) nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Hồ Thị P, vợ chồng ông Hoàng Công Th, bà Quách

Thị N và chị Hoàng Trúc M là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Vào ngày 01/01/2018 bà Tr có cho vợ chồng ông Th, bà N vay số tiền 1.015.000.000đ, thời hạn vay đến 01/3/2018, lãi suất thỏa thuận là 1,5%. Đến ngày 05/3/2018 vợ chồng ông Th, bà N có gọi điện cho bà Tr đề nghị vay thêm số tiền 250.000.000đ và nhờ con gái là chị Hoàng Trúc M đến lấy tiền, khi lấy tiền có ghi vào giấy vay nhưng không ký và ghi họ tên. Do không triệu tập được chị M đến làm việc nên không xác định được khoản tiền vay 250.000.000đ. Vì vậy, bà Hồ Thị P là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Th, bà N phải trả số tiền nợ gốc là 1.015.000.000đ; rút yêu cầu về việc khởi kiện đòi số tiền 250.000.000đ.

Xét thấy: Giấy vay tiền lập ngày 01/01/2018 do bà N viết và vợ chồng ông Th, bà N cùng ký tên. Đến hạn vợ chồng ông Th, bà N không trả được nợ. Vì vậy, cần buộc vợ chồng ông Th, bà N phải trả cho bà Tr số tiền nợ gốc 1.015.000.000đ là có căn cứ và phù hợp với thực tế.

Về lãi suất:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Tr và đại diện theo ủy quyền của bà Tr trình bày mức lãi suất vay mà hai bên thỏa thuận là 1,5%/ tháng nhưng chỉ thỏa thuận bằng miệng, không ghi vào giấy vay tiền. Nhưng vợ chồng ông Th, bà N không đến Tòa án làm việc nên không có căn cứ để xác định mức lãi suất hai bên thỏa thuận.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*". Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất giới hạn không được vượt quá 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng). Như vậy, mức lãi suất được áp dụng là (1,66 x 50%) = 0,83%/tháng. Tiền lãi được tính từ ngày 01/3/2018 đến ngày 28/8/2018 là 05 tháng 27 ngày. Thành tiền là 1.015.000.000đ x 0,83%/tháng x 05 tháng 27 ngày = 49.704.000đ.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tr đối với vợ chồng ông Th, bà N. Buộc vợ chồng ông Th, bà N phải có trách nhiệm trả cho bà Tr tổng số tiền là 1.064.704.000đ trong đó tiền gốc là 1.015.000.000đ, tiền lãi là 49.704.000đ.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Tr đối với vợ chồng ông Th, bà N về việc đòi số tiền 250.000.000đ.

- Về việc áp dụng Biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2018/QĐ- BPKCTT ngày 20/03/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã phong tỏa tài sản là thửa đất số 794, tờ bản đồ số 27 tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng diện tích 686m^2 (trong đó: đất nông nghiệp LNC 536m^2, đất ở ONT 150m^2) đã được UBND huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/5/2015 cho người sử dụng đất là bà Quách Thị N.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị P đề nghị hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời nói trên; việc yêu cầu hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà P là hoàn toàn tự nguyện. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa đề nghị Tòa án hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng. Vì vậy, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời nói trên là phù hợp và đúng pháp luật.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2018/QĐ-BPBĐ ngày 20/03/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trả lại cho bà Nguyễn Đỗ Đoan Tr toàn bộ tài sản bảo đảm là số tiền 50.000.000đ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh B- Lâm Đồng II theo Tài khoản tiền gửi cá nhân số 5495205029620 ngày 20/03/2018.

- Về án phí: Vụ kiện có giá ngạch, vợ chồng ông Th, bà N phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật trên số tiền 1.064.704.000đ là (36.000.000đ + 3% của phần giá trị vượt quá 800.000.000đ) = 43.941.000đ.

Bà Tr không phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 138, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*". Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Đỗ Đoan Tr đối với vợ chồng ông Hoàng Công Th, bà Quách Thị N về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*".

Buộc vợ chồng ông Hoàng Công Th, bà Quách Thị N phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Đỗ Đoan Tr tổng số tiền là **1.064.704.000đ** (*Một tỷ không trăm sáu mươi tư triệu bảy trăm lẻ bốn ngàn đồng*). Trong đó tiền gốc là 1.015.000.000đ; tiền lãi là 49.704.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2-/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Đỗ Đoan Tr đối với vợ chồng ông Hoàng Công Th, bà Quách Thị N về việc đòi số tiền 250.000.000đ.

Hậu quả của việc đình chỉ:

Nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự trên theo thủ tục chung, mặc dù việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

3-/ *Về việc áp dụng Biện pháp khẩn cấp tạm thời:*

Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 20/03/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã áp dụng để phong tỏa tài sản là thửa đất số 794, tờ bản đồ số 27 tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng diện tích 686m^2 (trong đó: đất nông nghiệp LNC 536m^2, đất ở ONT 150m^2) đã được UBND huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/5/2015 cho người sử dụng đất là bà Quách Thị N.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2018/QĐ-BPBĐ ngày 20/03/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Trả lại cho bà Nguyễn Đỗ Đoan Tr toàn bộ tài sản bảo đảm là số tiền **50.000.000đ** (*Năm mươi triệu đồng*) tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh B- Lâm Đồng II theo Tài khoản tiền gửi cá nhân số 5495205029620 ngày 20/03/2018.

4-/ Về án phí:

Vợ chồng ông Hoàng Công Th, bà Quách Thị N phải chịu **43.941.000đ** (*Bốn mươi ba triệu chín trăm bốn mươi mốt ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Đỗ Đoan Tr không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Đỗ Đoan Tr được nhận lại số tiền **24.975.000đ** (*Hai mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai t hu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0005129 ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường